

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /20.../QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

Dur thảo 2

LUẬT NHÀ GIÁO

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Nhà giáo.*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nhà giáo; quyền và nghĩa vụ của nhà giáo; hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo; chức danh, chuẩn nhà giáo; tuyển dụng, sử dụng nhà giáo; chính sách tiền lương, đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo; đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế về nhà giáo; quản lý nhà nước về nhà giáo; khen thưởng và xử lý vi phạm đối với nhà giáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với:

1. Nhà giáo trong các cơ sở giáo dục theo quy định tại Luật Giáo dục.
2. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; cơ quan quản lý giáo dục; cơ sở giáo dục.
3. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nhà giáo

1. Nhà giáo là người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong cơ sở giáo dục (trừ cơ sở giáo dục quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Giáo dục) và đạt chuẩn nhà giáo theo quy định.

2. Nhà giáo giảng dạy, giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt, dự bị đại học và các cơ sở giáo dục khác; nhà giáo giảng dạy, giáo dục trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp gọi là giáo viên.

3. Nhà giáo giảng dạy, giáo dục trong trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân; nhà giáo giảng dạy, giáo dục trình độ cao đẳng trở lên và nhà giáo làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gọi là giảng viên.

Điều 4. Vị trí, vai trò của nhà giáo

1. Nhà giáo là nguồn nhân lực chất lượng cao, là bộ phận quan trọng trong đội ngũ trí thức của đất nước, là lực lượng nòng cốt của ngành Giáo dục.

2. Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục và chất lượng nguồn nhân lực; là nhân tố chủ đạo trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; góp phần quan trọng trong việc xây dựng xã hội học tập, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cán bộ quản lý giáo dục* là người làm việc trong các cơ quan quản lý giáo dục, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục theo phạm vi thẩm quyền được giao.

2. *Người đứng đầu cơ sở giáo dục* là nhà giáo và là người đại diện trước pháp luật của cơ sở giáo dục, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của cơ sở giáo dục theo chức năng nhiệm vụ, quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục.

3. *Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục* là người được bổ nhiệm hoặc công nhận giữ chức vụ quản lý có thời hạn, chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong cơ sở giáo dục và được hưởng lương theo chức vụ quản lý.

4. *Chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo* là văn bản xác nhận tư cách nhà giáo do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà giáo cấp cho người đạt chuẩn nhà giáo trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục).

5. *Chức danh nhà giáo* là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo trong các cơ sở giáo dục.

6. *Chuẩn nhà giáo* là hệ thống phẩm chất, năng lực mà nhà giáo cần đạt được để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong các cơ sở giáo dục.

7. *Đề án vị trí việc làm* do cơ sở giáo dục xây dựng, cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp phê duyệt bao gồm: danh mục vị trí việc làm; cơ cấu chức danh nhà giáo; số lượng người làm việc; mô tả công việc và khung năng lực của các vị trí việc làm.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý và phát triển nhà giáo

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống nhất quản lý của Nhà nước, sự phân cấp giữa Trung ương và địa phương.

2. Bảo đảm quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

3. Việc tuyển dụng, quản lý nhà giáo được thực hiện trên cơ sở chức danh nhà giáo và chuẩn nhà giáo tương ứng với vị trí việc làm; đảm bảo định mức, số lượng nhà giáo để thực hiện chương trình, nhiệm vụ giáo dục.

4. Thực hiện bình đẳng giới, bình đẳng giữa nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục dân lập, cơ sở giáo dục tư thục.

5. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự chủ, sáng tạo trong hoạt động chuyên môn của nhà giáo; có chế độ tôn vinh, khen thưởng, chính sách tiền lương phù hợp đối với nhà giáo.

6. Khuyến khích phát triển nhà giáo thông qua các tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nhà giáo và các quỹ phát triển đội ngũ nhà giáo.

Điều 7. Chính sách của nhà nước về xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo

1. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo; huy động các nguồn lực xã hội cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo.

2. Nhà nước tổ chức xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và xây dựng xã hội học tập.

3. Chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo, coi trọng nâng cao đạo đức và năng lực nghề nghiệp của nhà giáo.

4. Có chính sách ưu đãi để nhà giáo yên tâm làm việc, cống hiến và phát triển nghề nghiệp; chính sách thu hút, trọng dụng và ưu đãi với người có tài năng làm nhà giáo; chính sách ưu đãi đối với nhà giáo dạy ở trường chuyên biệt, nhà giáo là người dân tộc thiểu số; chính sách thu hút nhà giáo về công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu.

5. Có chính sách phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

6. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và phát triển một số trường sư phạm trọng điểm.

7. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về nhà giáo.

Chương II HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ GIÁO

Điều 8. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo

1. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo là hoạt động đặc biệt, có sản phẩm là nhân cách người học; có tính chuyên nghiệp trong việc dạy học, tổ chức, hướng dẫn, tư vấn việc tìm kiếm tri thức, sản sinh tri thức, rèn luyện phẩm chất và năng lực người học; đòi hỏi tính gương mẫu, tự giác, linh hoạt và sáng tạo cao.

2. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo thực hiện theo năm học hoặc khóa học bao gồm các hoạt động trước, trong và sau thời gian lên lớp; các hoạt động học tập, bồi dưỡng bắt buộc; nghiên cứu khoa học; các hoạt động chuyên môn, hành chính; phục vụ cộng đồng và các hoạt động khác.

3. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo:

a) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non là nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, giúp trẻ em phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, khơi dậy và phát huy tối đa tiềm năng của mỗi trẻ, hình thành nền móng ban đầu của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp một;

b) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học là giáo dục, giảng dạy một hoặc một số môn học trong cơ sở giáo dục tiểu học, hướng tới phát triển toàn diện đối với học sinh tiểu học, giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt;

c) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên trung học cơ sở là giáo dục, giảng dạy một hoặc một số môn học trong cơ sở giáo dục trung học cơ sở để giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp trung học cơ sở, tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động;

d) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông là giáo dục, giảng dạy một hoặc một số môn học trong cơ sở giáo dục trung học phổ thông giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động, khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới;

đ) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên dự bị đại học là giảng dạy, giáo dục theo chương trình dự bị đại học giúp học sinh dân tộc củng cố kiến thức trung học phổ thông và có năng lực học lên các cấp học cao hơn;

e) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên giáo dục thường xuyên là giảng dạy, giáo dục theo các kế hoạch giáo dục linh hoạt trong cơ sở giáo dục thường xuyên, giúp người học đạt được các trình độ của hệ thống trình độ quốc dân hoặc các chương trình giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống của người học, góp phần xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời;

g) Hoạt động nghề nghiệp của giáo viên và giảng viên giáo dục nghề nghiệp là đào tạo người học theo chương trình giáo dục nghề nghiệp trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp;

h) Hoạt động nghề nghiệp giảng viên đại học là giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực người học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học.

Điều 9. Quyền của nhà giáo

1. Được hoạt động giảng dạy, giáo dục và đánh giá người học theo chuyên môn đào tạo; tham gia đánh giá, khen thưởng, xử lý kỷ luật người học theo quy định; được chủ động phân phối thời lượng và sắp xếp nội dung giáo dục, lựa chọn hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục và kế hoạch của cơ sở giáo dục.

2. Được lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu, học liệu, đồ dùng dạy học, thiết bị, phương tiện giảng dạy và cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục để thực hiện nhiệm vụ được giao đảm bảo mục tiêu giáo dục và kế hoạch của cơ sở giáo dục.

3. Được cấp chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo và bổ nhiệm chức danh nhà giáo theo vị trí việc làm.

4. Được hưởng lương, phụ cấp, chế độ đãi ngộ và các chế độ khác phù hợp với vị trí việc làm, chức danh nhà giáo.

5. Được đánh giá công bằng, khách quan; được tôn vinh, khen thưởng tương xứng với thành tích trong hoạt động nghề nghiệp và hoạt động phục vụ cộng đồng.

6. Được nghiên cứu khoa học và chuyển giao sản phẩm nghiên cứu khoa học của cá nhân; được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

7. Được tham gia các chương trình trao đổi nhà giáo; hợp đồng thỉnh giảng, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng tại cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học và tổ chức liên quan khác.

8. Được tạo điều kiện để làm việc trong môi trường thuận lợi, an toàn; được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự, thân thể; được đối xử bình đẳng trong hoạt động nghề nghiệp và thăng tiến nghề nghiệp; được thay đổi đơn vị công tác và vị trí việc làm phù hợp với nguyện vọng của cá nhân và nhu cầu của cơ quan quản lý.

9. Được tham gia đóng góp ý kiến về chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo; chương trình, sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu, phương pháp giáo dục; các vấn đề có liên quan đến quyền lợi của nhà giáo; được tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

10. Được nghỉ hè và các ngày nghỉ khác theo quy định.

11. Được bảo đảm việc làm và an sinh khi cơ sở giáo dục ngừng hoạt động hoặc có sự thay đổi về tổ chức.

12. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục.

Điều 10. Nghĩa vụ của nhà giáo

1. Gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục.

2. Giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục; thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục.

3. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự, đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo.

4. Tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học; phát huy phẩm chất và năng lực của từng người học.

5. Thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, học tập nâng cao phẩm chất và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

6. Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, tham gia nghiên cứu và áp dụng khoa học sư phạm ứng dụng đối với giáo viên; bảo đảm liêm chính học thuật.

7. Cập nhật kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, năng lực phát triển chương trình và phương pháp giáo dục tiên tiến.

8. Tham gia giám sát cơ sở giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục an toàn.

9. Thường xuyên phối hợp với gia đình người học; tích cực tham gia vào hoạt động phục vụ cộng đồng.

10. Tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp.

11. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục.

Điều 11. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiêm cấm nhà giáo có các hành vi sau:

a) Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, thân thể của người học, đồng nghiệp và nhân dân;

b) Phân biệt đối xử giữa những người học dưới mọi hình thức;

c) Gian lận, cố ý làm sai lệch kết quả trong các hoạt động tuyển sinh, kiểm tra, thi, đánh giá người học;

d) Xuyên tạc nội dung giáo dục; lợi dụng hoạt động giảng dạy, giáo dục để tuyên truyền các nội dung trái đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

đ) Ép buộc người học tham gia học thêm dưới mọi hình thức, nộp các khoản tiền ngoài quy định của pháp luật;

e) Lợi dụng chức danh nhà giáo và hoạt động giảng dạy, giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo dưới mọi hình thức;

g) Vi phạm đạo đức nhà giáo và các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân có các hành vi sau:

- a) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể nhà giáo;
- b) Cản trở hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo;
- c) Phân công nhà giáo không đúng với thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng nhà giáo; phân công vượt quá thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật về lao động;
- d) Phân biệt đối xử giữa những nhà giáo dưới mọi hình thức;
- đ) Trả lương không đúng số lượng và thời gian theo hợp đồng nhà giáo; thực hiện không đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách của nhà giáo theo quy định;
- e) Công khai thông tin về sai phạm của nhà giáo khi chưa có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với nhà giáo.

Chương III

CHỨC DANH, CHUẨN NHÀ GIÁO VÀ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Mục 1

CHỨC DANH, CHUẨN NHÀ GIÁO

Điều 12. Chức danh nhà giáo

1. Chức danh nhà giáo trong các cơ sở giáo dục bao gồm: Giáo viên mầm non; giáo viên tiểu học; giáo viên trung học cơ sở; giáo viên trung học phổ thông; giáo viên dự bị đại học; giáo viên giáo dục thường xuyên; giáo viên giáo dục nghề nghiệp; giảng viên cao đẳng sư phạm; giảng viên giáo dục nghề nghiệp; giảng viên đại học.

2. Chức danh nhà giáo là căn cứ để cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục xây dựng đề án vị trí việc làm; thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý và thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo.

3. Mỗi chức danh nhà giáo được phân loại như sau:

- a) Giáo viên, giáo viên chính, giáo viên cao cấp;
- b) Trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp (bao gồm cả giáo sư, phó giáo sư).

4. Việc bổ nhiệm, xét chuyển chức danh nhà giáo thực hiện như sau:

a) Nhà giáo sau khi được tuyển dụng thì bổ nhiệm chức danh nhà giáo theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nhà giáo được bổ nhiệm chức danh cao hơn liền kề hoặc đặc cách theo các chức danh cao hơn quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Nhà giáo của cơ sở giáo dục đại học được xét công nhận đạt tiêu chuẩn và được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư theo quy định của Luật Giáo dục thì được bổ nhiệm đặc cách chức danh giảng viên cao cấp;

d) Nhà giáo dừng hoạt động giảng dạy, giáo dục liên tục nhiều hơn 12 tháng, khi quay trở lại giảng dạy, giáo dục thì được bổ nhiệm lại chức danh nhà giáo;

đ) Nhà giáo khi thay đổi vị trí việc làm giữa các cơ sở giáo dục mà chức danh nhà giáo đang giữ không phù hợp với vị trí việc làm ở cơ sở giáo dục mới thì được xét chuyển chức danh nhà giáo.

Điều 13. Chuẩn nhà giáo

1. Chuẩn nhà giáo là hệ thống phẩm chất, năng lực mà nhà giáo cần đạt được để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong các cơ sở giáo dục, bao gồm các tiêu chuẩn áp dụng cho từng chức danh nhà giáo.

2. Chuẩn nhà giáo bao gồm các tiêu chuẩn:

a) Phẩm chất, đạo đức nhà giáo;

b) Trình độ đào tạo, bồi dưỡng;

c) Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Năng lực thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục; kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; kỹ năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; kỹ năng hoạt động phát triển cộng đồng, phối hợp xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh ở trong và ngoài cơ sở giáo dục;

d) Nhiệm vụ theo chức danh nhà giáo;

đ) Sức khỏe.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định chi tiết chuẩn nhà giáo.

Điều 14. Chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục

1. Chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục là hệ thống các yêu cầu về phẩm chất, năng lực mà người đứng đầu cơ sở giáo dục cần đạt được để đáp ứng nhiệm vụ lãnh đạo, quản trị cơ sở giáo dục. Người đứng đầu cơ sở giáo dục phải bảo đảm đạt chuẩn nhà giáo quy định tại Điều 13 của Luật này và các tiêu chuẩn về quản trị cơ sở giáo dục.

2. Tiêu chuẩn về quản trị cơ sở giáo dục:

a) Xây dựng sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược, đề án, kế hoạch phát triển nhà trường;

b) Quản trị hoạt động và chất lượng giáo dục;

c) Quản trị nhân sự;

d) Quản trị tổ chức, hành chính;

đ) Quản trị tài chính;

e) Quản trị cơ sở vật chất và công nghệ;

g) Xây dựng môi trường giáo dục;

h) Thực hiện quy định về dân chủ ở cơ sở và kiểm tra nội bộ cơ sở giáo dục.

3. Chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục là căn cứ để:

a) Các cơ quan, tổ chức theo thẩm quyền xem xét, quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, công nhận, không công nhận chức vụ người đứng đầu cơ sở giáo dục đối với nhà giáo;

b) Các cơ sở giáo dục xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng người đứng đầu cơ sở giáo dục, người thuộc diện quy hoạch giữ chức vụ người đứng đầu cơ sở giáo dục và những người có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng để trở thành người đứng đầu cơ sở giáo dục;

c) Người đứng đầu cơ sở giáo dục, người thuộc diện quy hoạch giữ chức vụ người đứng đầu cơ sở giáo dục tự đánh giá và thực hiện kế hoạch tự rèn luyện, phát triển năng lực bản thân.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình ban hành và hướng dẫn sử dụng chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục.

Mục 2

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 15. Chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo

1. Chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo có giá trị sử dụng trong toàn quốc và quốc gia khác theo chương trình hợp tác quốc tế với Việt Nam.

2. Mỗi nhà giáo được cấp một (01) hoặc hơn một (01) chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo.

3. Các trường hợp được cấp chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo:

a) Nhà giáo đang giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tự thực đạt chuẩn nhà giáo trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

b) Nhà giáo được tuyển dụng vào các cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tự thực đạt chuẩn nhà giáo sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành nếu đạt yêu cầu của kỳ sát hạch chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo;

c) Nhà giáo đã nghỉ hưu nhưng chưa được cấp chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo (nếu có nhu cầu);

d) Nhà giáo nước ngoài nếu đáp ứng điều kiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và có nhu cầu.

4. Nhà giáo đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp lại chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo khi bị mất hoặc hư hỏng.

5. Người có chứng chỉ hành nghề hoặc các văn bản có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp được công nhận tương đương với chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo khi được thừa nhận theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc

thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là bên ký kết và còn hiệu lực.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mẫu giấy chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo.

Điều 16. Thẩm quyền cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ cấp chứng chỉ hành nghề đối với giảng viên các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường cao đẳng sư phạm; giáo viên dự bị đại học thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề đối với giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (đối với giáo viên dạy chương trình giáo dục thường xuyên) và giảng viên các trường cao đẳng sư phạm và các cơ sở giáo dục đại học thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp chứng chỉ hành nghề đối với giáo viên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (đối với giáo viên dạy chương trình giáo dục nghề nghiệp) và giảng viên các trường cao đẳng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp thì có thẩm quyền cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo.

Điều 17. Thu hồi chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo

1. Chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo bị thu hồi trong các trường hợp:

a) Nhà giáo có kết quả đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ 02 (hai) năm liên tục;

b) Nhà giáo vi phạm kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc sa thải;

c) Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề không đúng quy định.

2. Trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo, nếu được cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc ban hành quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề theo điểm b khoản 1 Điều này không đúng thì được cấp lại.

Chương IV

TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG NHÀ GIÁO

Mục 1

TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO

Điều 18. Căn cứ tuyển dụng

Việc tuyển dụng nhà giáo phải căn cứ vào đề án vị trí việc làm; chuẩn nhà giáo; chương trình giáo dục, đào tạo; quỹ tiền lương nhằm bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu nhà giáo giảng dạy, giáo dục.

Điều 19. Nguyên tắc tuyển dụng

1. Bảo đảm công khai, công bằng, khách quan và đúng quy định của pháp luật. Không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo.
2. Bảo đảm tính cạnh tranh.
3. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, chuẩn nhà giáo, chức danh nhà giáo.
4. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục.
5. Ưu tiên người có tài năng, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người tình nguyện làm việc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của Chính phủ và các đối tượng chính sách khác.

Điều 20. Điều kiện đăng ký dự tuyển

1. Người có đủ các điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển nhà giáo:
 - a) Có đơn đăng ký dự tuyển;
 - b) Có lý lịch rõ ràng;
 - c) Đáp ứng yêu cầu của chuẩn nhà giáo;
 - d) Đáp ứng các điều kiện đặc thù theo yêu cầu của vị trí việc làm nhưng không được trái các nguyên tắc quy định tại Điều 19 Luật này.
2. Những người không được đăng ký dự tuyển:
 - a) Người mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án, đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;
 - c) Người đã có tiền án, tiền sự hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của Bộ luật Hình sự.
3. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tuyển dụng được quy định bổ sung những trường hợp không được đăng ký dự tuyển (nếu có) nhưng không trái với các quy định của Luật này.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định cụ thể Điều này.

Điều 21. Thẩm quyền và phương thức tuyển dụng

1. Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: do cơ sở giáo dục trực tiếp tuyển dụng nhà giáo theo nghị quyết của hội đồng trường hoặc hội đồng đại học ban hành.

2. Đối với các cơ sở giáo dục công lập khác: do cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp của cơ sở đó chịu trách nhiệm tuyển dụng nhà giáo.

3. Tuyển dụng nhà giáo được thực hiện thông qua phương thức xét hồ sơ và thực hành sư phạm để đánh giá phẩm chất, năng lực theo chuẩn nhà giáo.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định cụ thể Điều này.

Mục 2

HỢP ĐỒNG NHÀ GIÁO

Điều 22. Hợp đồng nhà giáo

1. Hợp đồng nhà giáo được ký kết giữa người đứng đầu cơ sở giáo dục và nhà giáo.

2. Hợp đồng nhà giáo bao gồm:

a) Hợp đồng làm việc xác định thời hạn và hợp đồng làm việc không xác định thời hạn được áp dụng đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

c) Hợp đồng lao động xác định thời hạn và hợp đồng lao động không xác định thời hạn được áp dụng đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.

3. Nhà giáo đang ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động trước khi Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện cho đến khi phải thay đổi theo các trường hợp quy định tại Điều 24 Luật này.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình ban hành và hướng dẫn chi tiết về khoản 2 Điều này.

Điều 23. Nội dung và hình thức của hợp đồng nhà giáo

1. Hợp đồng nhà giáo có những nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ của cơ sở giáo dục và người đứng đầu cơ sở giáo dục;

b) Họ tên, địa chỉ, ngày, tháng, năm sinh của người được tuyển dụng; thông tin về chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo; chức danh nhà giáo; số căn cước công dân đối với nhà giáo là người Việt Nam hoặc số hộ chiếu và quốc tịch đối với nhà giáo là người nước ngoài;

c) Công việc hoặc nhiệm vụ, vị trí việc làm và địa điểm làm việc;

d) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

đ) Chế độ thăng tiến nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng;

e) Loại hợp đồng, thời hạn và điều kiện chấm dứt của hợp đồng;

g) Tiền lương, chế độ tăng lương, tiền thưởng và chế độ đãi ngộ khác (nếu có);

h) Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi;

- i) Điều kiện làm việc và các vấn đề liên quan đến bảo hộ lao động;
- k) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;
- l) Hiệu lực của hợp đồng;

m) Các cam kết khác gắn với tính chất, đặc điểm của cấp học, trình độ đào tạo, điều kiện đặc thù của cơ sở giáo dục và phương thức giải quyết tranh chấp nhưng không trái với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hợp đồng nhà giáo được lập thành 03 (ba) bản, trong đó 01 (một) bản giao cho nhà giáo, 02 (hai) bản do cơ sở giáo dục lưu phục vụ công tác quản lý.

Điều 24. Thay đổi nội dung, ký kết tiếp, tạm hoãn và chấm dứt hợp đồng nhà giáo

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà giáo, nếu một bên có yêu cầu thay đổi nội dung hợp đồng nhà giáo thì phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 30 ngày. Khi nội dung thay đổi được hai bên chấp thuận thì tiến hành sửa đổi, bổ sung nội dung liên quan của hợp đồng nhà giáo và ký kết phụ lục hợp đồng nhà giáo. Trong thời gian tiến hành thoả thuận, các bên vẫn phải tuân thủ thực hiện theo hợp đồng nhà giáo đã ký kết. Trường hợp không thoả thuận được thì các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng nhà giáo đã ký kết hoặc thoả thuận chấm dứt hợp đồng nhà giáo.

2. Đối với hợp đồng xác định thời hạn, trước khi hết hạn hợp đồng 15 ngày, người đứng đầu cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhà giáo, quyết định ký kết tiếp hoặc chấm dứt hợp đồng đối với nhà giáo.

3. Việc tạm hoãn thực hiện, chấm dứt hợp đồng nhà giáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Khi nhà giáo chuyển công tác đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chấm dứt hợp đồng nhà giáo với người đứng đầu cơ sở giáo dục và được giải quyết các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật (nếu có).

5. Trường hợp nhà giáo đang thực hiện chế độ hợp đồng làm việc không xác định thời hạn của cơ sở giáo dục công lập khi chuyển tới cơ sở giáo dục công lập mới thì được ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn ở cơ sở giáo dục công lập mới đó nếu thuộc số lượng người làm việc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao của cơ sở giáo dục công lập mới.

Điều 25. Đơn phương chấm dứt hợp đồng nhà giáo

1. Cơ sở giáo dục được đơn phương chấm dứt hợp đồng với nhà giáo trong các trường hợp sau:

- a) Nhà giáo có 02 năm liên tiếp bị đánh giá, xếp loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;
- b) Nhà giáo bị buộc thôi việc, sa thải theo quy định của pháp luật;

c) Nhà giáo làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn bị ốm đau đã điều trị 12 tháng liên tục, nhà giáo làm việc theo hợp đồng xác định thời hạn bị ốm đau đã điều trị 06 tháng liên tục mà sức khỏe chưa phục hồi để làm việc. Khi sức khỏe của nhà giáo phục hồi thì được xem xét để tiếp tục ký kết hợp đồng;

d) Vì lý do bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ làm cho cơ sở giáo dục buộc phải thu hẹp quy mô, khiến vị trí việc làm mà nhà giáo đang đảm nhận không còn và không thể thỏa thuận để bố trí việc làm khác;

đ) Khi cơ sở giáo dục dừng hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, người đứng đầu cơ sở giáo dục phải báo cho nhà giáo biết trước ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng không xác định thời hạn hoặc ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng xác định thời hạn. Đối với nhà giáo do cơ quan quản lý cơ sở giáo dục thực hiện tuyển dụng, việc đơn phương chấm dứt hợp đồng do người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý cơ sở giáo dục.

3. Người đứng đầu cơ sở giáo dục không được đơn phương chấm dứt hợp đồng với nhà giáo trong các trường hợp sau:

a) Nhà giáo ốm đau hoặc bị tai nạn, đang điều trị bệnh theo quyết định của cơ sở chữa bệnh, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Nhà giáo đang nghỉ hằng năm, nghỉ về việc riêng và những trường hợp nghỉ khác được người đứng đầu cơ sở giáo dục cho phép;

c) Nhà giáo nữ đang trong thời gian có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cơ sở giáo dục dừng hoạt động và trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Nhà giáo có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Không được bố trí công việc theo đúng hợp đồng; không bảo đảm địa điểm làm việc hoặc các điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng;

b) Không được trả lương đầy đủ hoặc không được trả lương đúng thời hạn theo hợp đồng;

c) Bị ngược đãi; bị cưỡng bức lao động;

d) Nhà giáo phải nghỉ việc theo chỉ định của cơ sở chữa bệnh;

đ) Nhà giáo ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị từ 03 tháng liên tục mà sức khỏe chưa phục hồi để làm việc.

5. Nhà giáo làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng nhà giáo hoặc người đại diện hợp pháp của nhà giáo phải thông báo bằng văn bản cho người đứng đầu cơ sở giáo dục biết trước ít nhất 15 ngày; trường hợp nhà giáo thuộc quy định tại điểm d, điểm đ

khoản 4 Điều này thì nhà giáo hoặc người đại diện hợp pháp của nhà giáo phải thông báo cho người đứng đầu cơ sở giáo dục trước ít nhất 30 ngày.

Điều 26. Giải quyết tranh chấp về hợp đồng nhà giáo

Tranh chấp liên quan đến việc ký kết, thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng nhà giáo được giải quyết theo hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật về lao động.

Mục 3

SỬ DỤNG NHÀ GIÁO

Điều 27. Chế độ làm việc của nhà giáo

1. Chế độ làm việc là hệ thống các quy định để nhà giáo hoàn thành các hoạt động giảng dạy, giáo dục phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo; hoạt động nghiên cứu khoa học, hướng dẫn thực hành, tham gia học bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, công tác kiêm nhiệm và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao. Chế độ làm việc của nhà giáo được xây dựng bảo đảm đúng quy định của Bộ Luật Lao động và phù hợp với hoạt động nghề nghiệp và quy đổi thành thời gian làm việc theo tuần, năm học và thời gian nghỉ trong năm của nhà giáo.

2. Thời gian nghỉ trong năm của nhà giáo (kể cả cán bộ quản lý cơ sở giáo dục) bao gồm: 08 tuần nghỉ ngơi hàng năm và các ngày nghỉ lễ, nghỉ tết theo quy định của Bộ luật Lao động; nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương theo quy định của Bộ luật Lao động và các ngày nghỉ khác theo Luật Bảo hiểm xã hội. Việc bố trí 08 tuần nghỉ hàng năm do cơ quan quản lý giáo dục cấp tỉnh (đối với giáo dục mầm non, phổ thông), cơ sở giáo dục (đối với giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm và giáo dục nghề nghiệp) quy định trong kế hoạch giáo dục hàng năm cho phù hợp điều kiện địa phương và cơ sở giáo dục.

3. Người đứng đầu cơ sở giáo dục theo thẩm quyền có thể bố trí nhà giáo thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm nhưng phải đảm bảo quy định về chế độ làm việc, phù hợp với năng lực của nhà giáo, đảm bảo công bằng giữa các nhà giáo trong cơ sở giáo dục và có sự đồng thuận của nhà giáo đó.

4. Chế độ làm việc của nhà giáo (bao gồm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục) xác định cụ thể như sau:

a) Đối với giáo viên mầm non: Hoạt động giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em được tính theo số giờ làm việc/ngày được quy đổi để bảo đảm giờ làm việc/ngày theo quy định;

b) Đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học, giáo dục thường xuyên: Hoạt động giảng dạy, giáo dục tính theo số tiết dạy/tuần hoặc số tiết dạy/năm học được quy đổi để bảo đảm giờ làm việc/ngày theo quy định;

c) Đối với giảng viên: Hoạt động giảng dạy tính theo giờ chuẩn/năm, hoạt động nghiên cứu khoa học tính theo giờ hành chính, các hoạt động khác tính thời gian thực tế tham gia theo giờ hành chính, được quy đổi để bảo đảm giờ làm việc/ngày theo quy định;

d) Đối với giáo viên giáo dục nghề nghiệp: Hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành tính theo giờ chuẩn/năm, các hoạt động khác tính thời gian thực tế tham gia theo giờ hành chính, được quy đổi để bảo đảm giờ làm việc/ngày theo quy định;

đ) Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thực hiện các nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý và giảng dạy, nghiên cứu khoa học, kiêm nhiệm (nếu có) theo chế độ tuần làm việc 40 giờ; thời gian tham gia trực tiếp giảng dạy theo quy định của cấp học, trình độ đào tạo được quy đổi như nhà giáo có cùng chuyên môn nhưng không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

5. Nhà giáo (bao gồm cả cán bộ quản lý cơ sở giáo dục) được chi trả chế độ làm thêm giờ khi thời gian làm việc thực tế vượt định mức thời giờ làm việc bình thường theo quy định.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định chi tiết chế độ làm việc đối với nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 28. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, công nhận, công nhận lại, không công nhận cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, công nhận, công nhận lại, không công nhận cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phải căn cứ vào cơ cấu, số lượng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phù hợp với quy mô, đặc điểm của cơ sở giáo dục; căn cứ chuẩn nhà giáo và chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục do cơ quan có thẩm quyền quy định; bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Trong thời gian giữ chức vụ quản lý, nhà giáo được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định.

2. Về thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, công nhận, công nhận lại, không công nhận

a) Đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý xem xét, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, công nhận, công nhận lại, không công nhận cán bộ quản lý cơ sở giáo dục dựa trên kết quả đánh giá chuẩn nhà giáo hoặc chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục và đề nghị của cơ sở giáo dục hoặc đề nghị của hội đồng trường hoặc hội đồng đại học, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định;

b) Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, hội đồng trường hoặc hội đồng đại học hoặc nhà đầu tư xem xét, trình cấp hoặc đơn vị có thẩm quyền quyết định công nhận cán bộ quản lý cơ sở giáo dục dựa trên chuẩn nhà giáo hoặc chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục và các quy định của cơ sở giáo dục.

3. Thời hạn giữ chức vụ quản lý cho mỗi lần bổ nhiệm, công nhận là 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm, công nhận có hiệu lực và được ghi trong quyết định bổ nhiệm, công nhận, trường hợp thời hạn dưới 05 năm được áp dụng khi liên quan đến tuổi nghỉ hưu. Nhà giáo có thể được bổ nhiệm lại, công nhận lại giữ một (01) chức vụ quản lý với số lần không hạn chế, trừ trường hợp có quy định khác của Đảng hoặc của pháp luật chuyên ngành.

4. Bỏ nhiệm lại, công nhận lại, không bỏ nhiệm lại, không công nhận lại đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

a) Khi hết thời hạn mỗi nhiệm kỳ giữ chức vụ quản lý, cấp có thẩm quyền bỏ nhiệm, công nhận xem xét bỏ nhiệm lại, công nhận lại hoặc không bỏ nhiệm lại, không công nhận lại cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

b) Trường hợp nhà giáo không được bỏ nhiệm lại, không được công nhận lại chức vụ quản lý thì cấp có thẩm quyền bỏ nhiệm, công nhận hoặc người được ủy nhiệm có trách nhiệm bố trí nhà giáo vào vị trí việc làm theo nhu cầu công tác, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo nếu có nhu cầu.

5. Khi cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được bố trí sang vị trí việc làm khác hoặc được bỏ nhiệm chức vụ quản lý mới thì đương nhiên thôi giữ chức vụ quản lý đang đảm nhiệm, trừ trường hợp được giao kiêm nhiệm.

6. Thẩm quyền bỏ nhiệm, bổ nhiệm lại, công nhận, công nhận lại, không công nhận cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp và các luật khác có liên quan.

Điều 29. Thôi giữ chức vụ quản lý hoặc miễn nhiệm đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thôi giữ chức vụ quản lý nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện, chủ động xin thôi giữ chức vụ quản lý vì lý do chính đáng của nhà giáo và được cấp có thẩm quyền quản lý chấp thuận;

b) Do không đủ sức khỏe, hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao;

c) Không đạt chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục;

d) Đề cơ sở giáo dục hoặc đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc, phòng, ban, bộ phận hoặc tổ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc cơ sở giáo dục được giao quản lý xảy ra sai phạm nghiêm trọng;

đ) Bị xử lý kỷ luật từ mức độ cảnh cáo trở lên;

e) Không được bổ nhiệm lại, công nhận lại.

2. Miễn nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị kỷ luật cảnh cáo; bị kỷ luật khiển trách nhưng uy tín giám sát không thể đảm nhiệm chức vụ được giao;

b) Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ;

c) Có hai năm liên tiếp xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

d) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm;

đ) Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

3. Khi chưa có quyết định thôi giữ chức vụ quản lý hoặc miễn nhiệm chức vụ quản lý của cơ quan có thẩm quyền, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định.

4. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục sau khi thôi giữ chức vụ quản lý hoặc miễn nhiệm được người đứng đầu cơ sở giáo dục hoặc cấp có thẩm quyền bố trí vào vị trí việc làm theo nhu cầu công việc, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo nếu có nhu cầu.

5. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận cán bộ quản lý cơ sở giáo dục có thẩm quyền miễn nhiệm chức vụ quản lý của nhà giáo.

6. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc thôi giữ chức vụ quản lý, miễn nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

Điều 30. Điều động nhà giáo

1. Điều động nhà giáo là việc nhà giáo được cấp có thẩm quyền chuyển từ cơ sở giáo dục công lập này sang cơ sở giáo dục công lập khác trong hệ thống giáo dục quốc dân hoặc được chuyển từ cơ sở giáo dục công lập sang cơ quan quản lý giáo dục.

2. Mục đích, nguyên tắc điều động nhà giáo:

a) Bảo đảm kế hoạch giáo dục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Bảo đảm bình đẳng cơ hội tiếp cận chất lượng giáo dục của người học giữa các cơ sở giáo dục trên địa bàn;

c) Bảo đảm chất lượng công tác quy hoạch cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và cán bộ quản lý giáo dục;

d) Bảo đảm số lượng, chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

đ) Nhà giáo được điều động phải đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực của vị trí công tác sẽ đảm nhận;

e) Công tác điều động nhà giáo phải được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền thực hiện việc điều động:

a) Điều động nhà giáo giữa các cơ sở giáo dục công lập:

- Nếu hai cơ sở giáo dục thực hiện việc điều động cùng thuộc sự quản lý trực tiếp của một cơ quan quản lý giáo dục thì việc điều động do cơ quan quản lý giáo dục đó quyết định.

- Nếu hai cơ sở giáo dục thực hiện việc điều động thuộc sự quản lý trực tiếp của hai cơ quan quản lý giáo dục khác nhau thì việc điều động do cơ quan quản

lý giáo dục trực tiếp của cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang công tác quyết định trên cơ sở văn bản đồng ý tiếp nhận của cơ quan quản lý giáo dục nơi đến.

b) Điều động nhà giáo từ cơ quan quản lý giáo dục về cơ sở giáo dục công lập và điều động nhà giáo từ cơ sở giáo dục về cơ quan quản lý giáo dục do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục ở địa phương thực hiện hoặc phân cấp cho cơ quan quản lý giáo dục ở địa phương thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện công tác điều động đối với nhà giáo, nếu chế độ, chính sách ở vị trí công việc cũ cao hơn chế độ, chính sách ở vị trí công việc mới thì được bảo lưu các chế độ, chính sách của vị trí công việc cũ trong thời hạn 06 (sáu) tháng. Sau 06 (sáu) tháng thì thực hiện theo các chế độ, chính sách của vị trí công việc mới.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 31. Thuyên chuyển nhà giáo

1. Nhà giáo có nhu cầu chuyển công tác từ cơ sở giáo dục thuộc địa bàn cấp huyện, cấp tỉnh đến một cơ sở giáo dục thuộc địa bàn cấp huyện, cấp tỉnh khác được các cấp có thẩm quyền tạo điều kiện trên cơ sở ý kiến đồng thuận giữa các cơ sở giáo dục nơi nhà giáo dời đi và nơi tiếp nhận.

2. Các trường hợp không được thuyên chuyển:

a) Đang trong thời gian bị kỉ luật hoặc đang trong thời gian cấm thuyên chuyển theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo;

b) Công tác chưa đủ 05 năm tính từ thời điểm được tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nhà giáo trừ trường hợp tự nguyện, tình nguyện thuyên chuyển công tác về cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu;

c) Đang trong thời gian được cử đi đào tạo, học bồi dưỡng và chưa công tác đủ số năm theo cam kết khi được cử đi đào tạo, học bồi dưỡng.

3. Nhà giáo được cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền quản lý đồng ý cho thuyên chuyển thì cơ sở giáo dục nơi nhà giáo chuyển đi chấm dứt hợp đồng với nhà giáo, cơ sở giáo dục nơi nhà giáo chuyển đến thực hiện việc tiếp nhận nhà giáo, ký hợp đồng nhà giáo theo nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 32. Biệt phái nhà giáo

1. Biệt phái nhà giáo là việc nhà giáo của cơ sở giáo dục này được cử đi làm việc tại cơ sở giáo dục khác (bao gồm cả công lập, dân lập, tư thục) trong cùng cấp học hoặc trình độ đào tạo hoặc nhà giáo của cơ sở giáo dục công lập đến cơ quan khác theo yêu cầu nhiệm vụ trong một thời hạn nhất định.

2. Thẩm quyền thực hiện việc biệt phái:

a) Biệt phái nhà giáo giữa các cơ sở giáo dục công lập:

- Nếu hai cơ sở giáo dục thực hiện việc biệt phái cùng thuộc sự quản lý trực tiếp của một cơ quan quản lý giáo dục thì việc biệt phái do cơ quan quản lý giáo dục đó quyết định;

- Nếu hai cơ sở giáo dục thực hiện việc biệt phái thuộc sự quản lý trực tiếp của hai cơ quan quản lý giáo dục khác nhau thì việc biệt phái do cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp của cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang công tác quyết định.

b) Việc biệt phái giữa cơ sở giáo dục công lập đến cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và ngược lại: Do cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp các cơ sở giáo dục quyết định trên cơ sở thống nhất giữa cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp và nhà đầu tư hoặc hội đồng trường của cơ sở giáo dục dân lập, tư thục;

c) Việc biệt phái nhà giáo của cơ sở giáo dục công lập đến cơ quan khác do cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp của cơ sở giáo dục công lập nơi nhà giáo đang công tác quyết định trên cơ sở tiếp nhận của cơ quan mà nhà giáo được biệt phái đến.

3. Thời hạn cử biệt phái không quá 03 năm.

4. Nhà giáo được cử biệt phái phải chịu sự phân công công tác và quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi được cử đến.

5. Trong thời gian biệt phái, cơ sở giáo dục nơi nhà giáo biệt phái đến công tác có trách nhiệm bảo đảm tiền lương và các quyền lợi khác của nhà giáo. Nhà nước cấp thêm một khoản ngân sách để cơ sở giáo dục có nhà giáo đi biệt phái tổ chức hoàn thành công việc do nhà giáo đó để lại.

6. Nhà giáo được cử biệt phái đến miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

7. Hết thời hạn biệt phái, nhà giáo trở về đơn vị cũ công tác hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục quyết định việc biệt phái nhà giáo có trách nhiệm tiếp nhận và bố trí việc làm cho nhà giáo hết thời hạn biệt phái phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.

8. Không thực hiện biệt phái nhà giáo nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, nhà giáo đang trong thời gian bị kỉ luật hoặc đang trong thời gian cấm thuyên chuyển theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 33. Nhà giáo dạy liên cơ sở giáo dục

1. Dạy liên cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là dạy liên trường) là việc nhà giáo được cơ quan có thẩm quyền phân công tham gia hoạt động giảng dạy, giáo dục đồng thời ở từ hai cơ sở giáo dục trở lên.

2. Việc bố trí nhà giáo dạy liên trường được thực hiện khi cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng không thể bố trí đủ định mức làm việc theo chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo và các cơ sở giáo dục khác không đủ nhân lực thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ này.

3. Nguyên tắc bố trí nhà giáo dạy liên trường:

a) Các cơ sở giáo dục mà nhà giáo được phân công giảng dạy tạo điều kiện về thời gian để nhà giáo hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy liên trường, không bố trí công tác kiêm nhiệm. Ngoài việc tham gia giảng dạy, nhà giáo vẫn phải thực hiện các hoạt động chuyên môn khác theo quy định tại cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng;

b) Việc bố trí nhà giáo dạy liên cơ sở giáo dục phải xem xét tính hợp lý về điều kiện địa lý và hoàn cảnh thực tế của nhà giáo, ý kiến của người đứng đầu cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng và cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đến dạy;

c) Số tiết dạy hoặc giờ dạy của giáo viên là tổng số tiết dạy hoặc giờ dạy ở các cơ sở giáo dục mà nhà giáo được phân công giảng dạy;

d) Lương và các chế độ theo lương của nhà giáo do cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng chi trả. Tiền lương làm thêm giờ (trong trường hợp tổng số tiết dạy của nhà giáo vượt định mức quy định) và chi phí đi lại giữa các cơ sở giáo dục do các cơ sở giáo dục không phải cơ sở giáo dục ký hợp đồng với nhà giáo chi trả. Kinh phí thực hiện được ngân sách nhà nước bảo đảm;

đ) Việc đánh giá nhà giáo dạy liên trường do người đứng đầu cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng thực hiện trên cơ sở có sự nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đến dạy thêm theo sự phân công.

4. Người đứng đầu cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp của cơ sở giáo dục nơi nhà giáo đang hợp đồng có thẩm quyền ra quyết định phân công nhà giáo dạy liên trường trên cơ sở có văn bản thỏa thuận giữa các cơ sở giáo dục và văn bản đồng ý của nhà giáo.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ NHÀ GIÁO

Điều 34. Mục đích của đánh giá nhà giáo

Mục đích của đánh giá nhà giáo để làm căn cứ cấp chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo, ký hợp đồng, bổ nhiệm chức danh, thay đổi chức danh, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, công nhận, công nhận lại, không công nhận, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ giảng dạy, xét nâng lương và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với nhà giáo.

Điều 35. Nguyên tắc và căn cứ đánh giá nhà giáo

1. Nguyên tắc đánh giá nhà giáo:

a) Đánh giá nhà giáo phải bảo đảm tính khách quan, toàn diện, dân chủ, công bằng, công khai; kịp thời khuyến khích, động viên nhà giáo thăng tiến, phát triển trong hoạt động nghề nghiệp;

b) Việc đánh giá phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhà giáo, quá trình nhà giáo rèn luyện phẩm chất, nâng cao năng lực nghề nghiệp gắn với các tiêu chí nghề nghiệp theo chuẩn nhà giáo;

c) Việc đánh giá cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ sở giáo dục, quá trình cán bộ quản lý cơ sở giáo dục rèn luyện phẩm chất, nâng cao năng lực gắn với các tiêu chí theo chuẩn cán bộ quản lý cơ sở giáo dục;

d) Nghiêm cấm sử dụng việc đánh giá nhà giáo để thực hiện các hành vi trù dập, xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhà giáo.

2. Căn cứ đánh giá nhà giáo:

a) Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện gắn với từng công tác quản lý, sử dụng nhà giáo cụ thể;

b) Quy định về tiêu chí nghề nghiệp tại chuẩn nhà giáo tương ứng với chức danh nhà giáo hoặc chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục (đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục);

c) Các cam kết trong hợp đồng nhà giáo đã ký kết với cơ sở giáo dục quản lý trực tiếp nhà giáo;

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ sở giáo dục (đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục).

Điều 36. Nội dung đánh giá nhà giáo

1. Nội dung đánh giá nhà giáo không giữ chức vụ quản lý:

a) Tiêu chuẩn quy định tại chuẩn nhà giáo;

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục theo từng cấp học hoặc trình độ đào tạo;

c) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác được giao;

d) Các kết quả đánh giá khác theo yêu cầu cụ thể của công tác quản lý nhà giáo;

đ) Điểm mạnh, điểm còn hạn chế và định hướng phát triển hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo.

2. Nội dung đánh giá cán bộ quản lý cơ sở giáo dục:

Ngoài các nội dung đánh giá theo quy định tại khoản 1 Điều này, nội dung đánh giá cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thêm các nội dung sau:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, quản trị cơ sở giáo dục;

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ sở giáo dục.

3. Việc đánh giá nhà giáo được thực hiện định kỳ hằng năm theo năm học hoặc thực hiện tại thời điểm bất kỳ để phục vụ công tác quản lý nhà giáo theo quy định.

Điều 37. Xếp loại đánh giá nhà giáo

Đối với việc đánh giá định kỳ hằng năm theo năm học, căn cứ vào kết quả đánh giá, nhà giáo được xếp loại như sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
3. Hoàn thành nhiệm vụ;
4. Không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 38. Trách nhiệm đánh giá, xếp loại nhà giáo

1. Người đứng đầu cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức đánh giá, xếp loại hoặc phân công, phân cấp việc tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo không giữ chức vụ quản lý cơ sở giáo dục. Người được giao thẩm quyền đánh giá, xếp loại nhà giáo phải chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ sở giáo dục về kết quả đánh giá.

2. Người có thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận chịu trách nhiệm đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

Điều 39. Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo

1. Nội dung đánh giá, xếp loại nhà giáo phải được thông báo cho nhà giáo.
2. Kết quả xếp loại nhà giáo được công khai trong cơ sở giáo dục.
3. Nếu không nhất trí với kết quả đánh giá và xếp loại thì nhà giáo được quyền khiếu nại lên cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại.
4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định chi tiết việc đánh giá, xếp loại nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

CHƯƠNG V**CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, ĐÃI NGỘ, TÔN VINH****ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO****Điều 40. Chính sách tiền lương đối với nhà giáo**

1. Chính sách tiền lương của nhà giáo bao gồm tiền lương và phụ cấp và các chế độ khác (nếu có).

2. Tiền lương của nhà giáo được ưu tiên xếp cao nhất so với hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp.

3. Tiền lương và các chính sách theo lương của các nhà giáo công tác tại các cơ sở giáo dục dân lập, cơ sở giáo dục tư thục và các cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên, tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư không ít hơn tiền lương và các chính sách theo lương của nhà giáo có cùng trình độ đào tạo, cùng thâm niên, cùng chức danh trong các cơ sở giáo dục công lập đang hưởng lương

từ ngân sách nhà nước và không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ.

4. Nhà giáo công tác ở các ngành, lĩnh vực có chế độ đặc thù thì được hưởng chế độ đặc thù đó nếu đáp ứng được các quy định của chính sách. Nhà giáo công tác ở ngành lĩnh vực mà ngành, lĩnh vực đó có chính sách trùng với chính sách dành cho nhà giáo nhưng ở mức cao hơn thì được hưởng 01 (một) chính sách có mức cao nhất.

5. Chính sách tiền lương của nhà giáo do Chính phủ quy định.

Điều 41. Chính sách hỗ trợ nhà giáo

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ nhà giáo trẻ; nhà giáo công tác ở vùng khó khăn; nhà giáo dạy trường chuyên biệt, nhà giáo dạy trẻ khuyết tật, nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số, nhà giáo dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số, dạy các môn năng khiếu, nghệ thuật.

2. Chính sách hỗ trợ nhà giáo gồm: nhà công vụ, chế độ phụ cấp, chế độ trợ cấp, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, khám bệnh định kỳ hằng năm, hỗ trợ học phí cho con của nhà giáo và các chế độ khác bảo đảm an sinh xã hội cho nhà giáo.

3. Ngoài các quy định chung về chính sách hỗ trợ nhà giáo, nhà nước khuyến khích địa phương ban hành các chính sách đặc thù để hỗ trợ nhà giáo; cơ sở giáo dục hỗ trợ nhà giáo thông qua quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo.

Điều 42. Chính sách thu hút nhà giáo

1. Nhà nước có chính sách thu hút đối với người có tài năng để trở thành nhà giáo.

2. Nhà nước có chính sách thu hút nhà giáo về công tác và công tác lâu dài ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã đảo, hải đảo, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của Chính phủ.

3. Chính sách thu hút nhà giáo gồm: chính sách ưu tiên tuyển dụng, nhà công vụ, vay mua nhà ở, chế độ phụ cấp và trợ cấp thu hút, chính sách đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ khác bảo đảm an sinh xã hội cho nhà giáo.

4. Ngoài các quy định chung về chính sách thu hút nhà giáo, nhà nước khuyến khích địa phương ban hành các chính sách đặc thù để thu hút nhà giáo.

Điều 43. Quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo

1. Quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo là quỹ không vì lợi nhuận; dùng để hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo; hỗ trợ nhà giáo và thân nhân nhà giáo có hoàn cảnh khó khăn; khen thưởng, tôn vinh nhà giáo.

2. Quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo gồm hai loại:

a) Do tổ chức, cá nhân thành lập, hoạt động và quản lý theo quy định về quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

b) Do cơ sở giáo dục thành lập từ nguồn kinh phí tài trợ, viện trợ, hiến tặng hoặc kinh phí của cơ sở giáo dục và nguồn kinh phí hợp pháp khác; hoạt động theo quy chế tổ chức, hoạt động và quy chế chi tiêu nội bộ của cơ sở giáo dục phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 44. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nhà giáo

1. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nhà giáo là tổ chức tập hợp những người đã và đang làm nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nhằm góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo theo chủ trương, định hướng, yêu cầu đổi mới giáo dục.

2. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nhà giáo có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Tham gia xây dựng pháp luật, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nhà giáo và pháp luật có liên quan;

b) Tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ nhà giáo với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà giáo; động viên đội ngũ nhà giáo thường xuyên rèn luyện phẩm chất, nâng cao năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới;

c) Tham gia các hội đồng chuyên môn, các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, phản biện xã hội theo đề nghị của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục;

d) Tham gia các tổ chức quốc tế về nhà giáo;

đ) Tham gia huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng các quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo;

e) Tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo về nhà giáo; kiến nghị với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý vi phạm về nhà giáo;

g) Nhiệm vụ và quyền hạn khác theo Điều lệ do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nhà giáo được thành lập, quản lý và hoạt động theo quy định của pháp luật về hội.

Điều 45. Chế độ thôi việc đối với nhà giáo

1. Khi chấm dứt hợp đồng, nhà giáo được hưởng trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm hoặc chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Nhà giáo không được hưởng trợ cấp thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc hoặc sa thải;

b) Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng trái quy định;

c) Nhà giáo là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam bị trục xuất theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 46. Chế độ nghỉ hưu đối với nhà giáo

1. Giáo viên mầm non được nghỉ hưu khi đủ 55 tuổi và được hưởng các chế độ nghỉ hưu theo quy định; tuổi nghỉ hưu của nhà giáo khác thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động;

2. Trước 06 (sáu) tháng, tính đến ngày nhà giáo nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý nhà giáo phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 03 (ba) tháng, tính đến ngày nhà giáo nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý nhà giáo ra quyết định nghỉ hưu.

3. Cơ sở giáo dục có thể ký hợp đồng lao động với người hưởng chế độ hưu trí nếu đơn vị có nhu cầu và người hưởng chế độ hưu trí có nguyện vọng.

Điều 47. Chế độ kéo dài thời gian làm việc đối với nhà giáo

1. Nhà giáo có chức danh giáo sư, phó giáo sư và có trình độ tiến sĩ đang công tác tại cơ sở giáo dục được kéo dài thời gian làm việc kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu để giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian kéo dài làm việc đối với nhà giáo có trình độ tiến sĩ là không quá 5 năm; đối với nhà giáo có chức danh phó giáo sư là không quá 7 năm và đối với nhà giáo có chức danh giáo sư là không quá 10 năm.

3. Trong thời gian thực hiện nghỉ hưu ở tuổi cao hơn, nhà giáo chỉ làm nhiệm vụ chuyên môn, không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và không được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo. Trong thời gian thực hiện kéo dài thời gian làm việc, nếu nhà giáo có nguyện vọng nghỉ làm việc hoặc đơn vị sự nghiệp không còn nhu cầu thì được giải quyết chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định kéo dài thời gian công tác của nhà giáo được gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 03 tháng.

5. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục, trình tự xem xét kéo dài thời gian làm việc; chính sách đối với nhà giáo trong thời gian làm việc kéo dài.

Chương VI

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ NHÀ GIÁO

Mục 1

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NHÀ GIÁO

Điều 48. Đào tạo nhà giáo

1. Đào tạo nhà giáo là quá trình giúp người học có nguyện vọng trở thành nhà giáo đạt kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực đáp ứng các quy định về chuẩn nhà giáo.

2. Đào tạo nhà giáo gồm đào tạo giáo viên và đào tạo giảng viên.

3. Việc đào tạo người có nguyện vọng trở thành giáo viên được thực hiện như sau:

a) Trường sư phạm, cơ sở giáo dục có khoa sư phạm có nhiệm vụ đào tạo người có nguyện vọng trở thành nhà giáo giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;

b) Trường sư phạm kỹ thuật có nhiệm vụ đào tạo người có nguyện vọng trở thành nhà giáo giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc các trình độ sơ cấp và trung cấp.

4. Việc đào tạo người có nguyện vọng trở thành giảng viên thực hiện như sau:

a) Cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học có nhiệm vụ đào tạo người có nguyện vọng trở thành giảng viên giảng dạy môn chuyên ngành của cơ sở mình thông qua việc tuyển dụng ứng viên có năng lực và phẩm chất phù hợp với nghề dạy học đã có bằng cử nhân trở lên hoặc văn bằng trình độ tương đương ở chuyên ngành đó;

b) Cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học có trách nhiệm hỗ trợ kinh phí cho người được tuyển dụng học bồi dưỡng để đáp ứng chuẩn nhà giáo. Mức hỗ trợ được quy định trong quy chế nội bộ của cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học.

5. Chương trình đào tạo, tổ chức và quản lý đào tạo, việc cấp văn bằng thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các chương trình đào tạo nhà giáo phải được kiểm định và công nhận về chất lượng.

6. Người học các chương trình đào tạo sư phạm có nhiệm vụ, quyền và hưởng chính sách theo quy định của Luật Giáo dục. Người được tuyển dụng để đào tạo thành nhà giáo trong các trường cao đẳng và cơ sở giáo dục đại học có nhiệm vụ, quyền và hưởng chính sách theo hợp đồng ký kết giữa cơ sở giáo dục và người được tuyển dụng.

Điều 49. Bồi dưỡng nhà giáo

1. Bồi dưỡng nhà giáo là quá trình tiếp tục nâng cao, cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm, rèn luyện phẩm chất và năng lực giúp nhà giáo phát triển và thăng tiến trong hoạt động nghề nghiệp sau khi đã trở thành nhà giáo. Bồi dưỡng nhà giáo nhằm mục đích cụ thể sau:

a) Bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm;

b) Phát triển nghề nghiệp liên tục;

c) Học tập suốt đời.

2. Các nội dung bồi dưỡng nhà giáo gồm:

a) Bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất và năng lực nhà giáo;

b) Bồi dưỡng thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng đáp ứng chuẩn nhà giáo;

- c) Bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục;
- d) Bồi dưỡng phục vụ những yêu cầu mới của thị trường lao động và bối cảnh kinh tế - xã hội;
- đ) Bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời;
- e) Bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản trị cơ sở giáo dục;
- f) Bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

3. Các hình thức bồi dưỡng nhà giáo gồm:

- a) Bồi dưỡng tập trung bao gồm học trực tiếp, trực tuyến, hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến do các cơ quan quản lý về giáo dục, chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục, hiệp hội tổ chức;
- b) Học tập, trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp, cơ sở giáo dục khác, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp;
- c) Tham dự các hoạt động khoa học, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tham quan học tập về giáo dục;
- d) Bồi dưỡng thông qua việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại nước ngoài;
- đ) Tự học, tự nghiên cứu;
- e) Tự học có hướng dẫn thông qua các tài nguyên giáo dục mở (OER), các khóa học trực tuyến mở đại chúng (MOOC), đào tạo từ xa.

4. Bồi dưỡng nhà giáo bao gồm bồi dưỡng bắt buộc, bồi dưỡng tự chọn, bồi dưỡng tự nguyện.

- a) Bồi dưỡng bắt buộc và bồi dưỡng tự chọn bao gồm các khóa học bồi dưỡng do cơ quan quản lý giáo dục, chính quyền địa phương, hiệp hội, cơ sở giáo dục tổ chức; người học được đánh giá sau khi hoàn thành học bồi dưỡng và được cấp giấy chứng nhận hoặc văn bằng hoặc chứng chỉ;
- b) Bồi dưỡng tự nguyện là việc nhà giáo tham gia các khóa học hoặc tự học, tự nghiên cứu theo nhu cầu và sở thích cá nhân; người học có thể được đánh giá và được cấp giấy chứng nhận hoặc văn bằng hoặc chứng chỉ sau khi kết thúc theo quy chế của cơ sở bồi dưỡng.

Điều 50. Nhiệm vụ và quyền của nhà giáo khi tham gia học bồi dưỡng

1. Tham gia đầy đủ và hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo quy định.
2. Chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở bồi dưỡng.
3. Có ý thức tự học, học tập suốt đời, phát triển nghề nghiệp liên tục.
4. Tham gia đóng góp ý kiến về nội dung và công tác tổ chức các chương trình bồi dưỡng.
5. Vận dụng kết quả bồi dưỡng vào hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, đổi mới sáng tạo.

6. Được cơ sở giáo dục tạo điều kiện về thời gian để tham gia bồi dưỡng. Thời gian tham gia bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền cử đi được tính vào thời gian công tác liên tục và tính chế độ làm việc tương ứng.

7. Được cơ sở giáo dục chi trả kinh phí bồi dưỡng khi cơ quan có thẩm quyền cử tham gia bồi dưỡng theo chương trình bồi dưỡng bắt buộc và tự chọn.

8. Được sử dụng kết quả bồi dưỡng là một tiêu chí để xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và phục vụ công tác quản lý, sử dụng nhà giáo.

9. Được sử dụng các chứng nhận, chứng chỉ đã tích lũy để xem xét về giá trị chuyển đổi khi nhà giáo tham gia các chương trình bồi dưỡng khác.

Điều 51. Trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo

1. Căn cứ vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi nhằm thu hút người giỏi tham gia đào tạo để trở thành nhà giáo; ban hành chính sách đào tạo, bao gồm đào tạo trong nước và đào tạo nước ngoài nhằm phát triển đội ngũ nhà giáo trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Căn cứ vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, hằng năm Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kế hoạch tuyển sinh vào ngành sư phạm. Trong kế hoạch nêu rõ số lượng, cơ cấu sinh viên sư phạm cụ thể theo từng môn học, cấp học và trình độ đào tạo.

3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình ban hành quy chế bồi dưỡng; chương trình bồi dưỡng bắt buộc và bồi dưỡng tự chọn tương ứng với chức danh nhà giáo; xây dựng hệ thống quản lý nguồn học liệu mở phục vụ cho các hoạt động học bồi dưỡng. Hằng năm công bố kế hoạch tổng thể bồi dưỡng nhà giáo.

4. Căn cứ kế hoạch bồi dưỡng tổng thể, hằng năm, nhà đầu tư hoặc hội đồng trường cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; cơ quan quản lý giáo dục ban hành kế hoạch bồi dưỡng nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Căn cứ khung chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng của cơ quan có thẩm quyền, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ban hành chương trình đào tạo đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu ra, đáp ứng chuẩn nhà giáo theo quy định; xây dựng các giáo trình, tài liệu, học liệu và bảo đảm các điều kiện cần thiết để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng có chất lượng.

6. Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo của các cấp có thẩm quyền; tạo điều kiện thời gian và chi trả kinh phí cho nhà giáo tham gia đào tạo, học bồi dưỡng theo quy định.

Mục 2

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ NHÀ GIÁO

Điều 52. Mục tiêu, yêu cầu, nội dung, hình thức hợp tác quốc tế về nhà giáo

1. Hợp tác quốc tế về nhà giáo nhằm góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; khẳng định vị thế của nhà giáo Việt Nam trong hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học so với nhà giáo ở các nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

2. Hợp tác quốc tế về nhà giáo phải bảo đảm các quy định của pháp luật Việt Nam trong hợp tác quốc tế về giáo dục; phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các hiệp định, thỏa thuận quốc tế khác có liên quan.

3. Hợp tác quốc tế về nhà giáo bao gồm việc nhà giáo ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật và nhà giáo nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật.

4. Các hình thức hợp tác quốc tế về nhà giáo bao gồm:

a) Trao đổi nhà giáo trong khuôn khổ các hiệp định, thỏa thuận hợp tác quốc tế về giáo dục;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo tại nước ngoài thông qua các chương trình học bổng ngân sách nhà nước và chương trình học bổng do Chính phủ nước ngoài, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), chính quyền các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ hoặc cá nhân tài trợ thông qua Chính phủ Việt Nam;

c) Tiếp nhận nhà giáo giảng dạy, làm việc trong cơ sở giáo dục được thành lập theo các chương trình, dự án đầu tư được ký kết giữa Việt Nam và các tổ chức, cá nhân nước ngoài;

d) Tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp trong khu vực và quốc tế;

đ) Tham dự các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, hoạt động giáo dục trong khu vực và quốc tế;

e) Nhà giáo Việt Nam ra nước ngoài và nhà giáo nước ngoài đến Việt Nam để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật theo nhu cầu cá nhân dưới hình thức tự túc hoặc theo hợp đồng.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý hợp tác quốc tế về nhà giáo.

Điều 53. Nhà giáo ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

1. Nhà nước có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho nhà giáo Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật theo hình thức được cơ quan quản lý giáo dục cử đi hoặc được tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ hoặc theo hợp đồng.

2. Nhà giáo ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và làm việc theo hợp đồng ký kết với cơ sở giáo dục, tổ chức giáo dục nước ngoài thực hiện theo quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Chính phủ quy định việc nhà giáo Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật theo hình thức được cơ quan quản lý giáo dục cử đi hoặc được tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ.

Điều 54. Nhà giáo nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

1. Nhà giáo nước ngoài, bao gồm nhà giáo là người nước ngoài và nhà giáo là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, được Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

2. Nhà giáo nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật theo hình thức được cơ quan, tổ chức nước ngoài cử đi hoặc theo hợp đồng ký kết với cơ sở giáo dục, tổ chức giáo dục tại Việt Nam.

3. Tiêu chuẩn đối với nhà giáo nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật:

a) Là người có quốc tịch nước ngoài đủ 18 tuổi trở lên và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Có sức khỏe theo quy định;

c) Đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của pháp luật Việt Nam phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo và có chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo hoặc các văn bản khác có giá trị tương đương phù hợp với vị trí công việc mà nhà giáo nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam;

d) Có giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trừ các trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn, bao gồm người lao động nước ngoài vào Việt Nam để giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật là giáo viên được cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận; là giảng viên được cơ sở giáo dục đại học đã được giao quyền tự chủ xác nhận. Riêng đối với nhà giáo nước ngoài đã được cấp chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo tại Việt Nam thì không thuộc diện cấp giấy phép lao động;

đ) Không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài; hoặc chưa được xóa án tích; hoặc đã được xóa án tích nhưng thuộc các trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Luật này;

e) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định cụ thể việc vận dụng điểm c khoản này đối với trường hợp người chưa phải là nhà giáo nhưng

có trình độ, kinh nghiệm chuyên môn cùng các tiêu chuẩn khác đáp ứng yêu cầu làm nhiệm vụ thỉnh giảng.

4. Quyền của nhà giáo nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật:

a) Được Nhà nước Việt Nam bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp theo pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Có các quyền của nhà giáo theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 9 của Luật này;

c) Nhà giáo nước ngoài vào Việt Nam làm việc theo hợp đồng được cơ quan, tổ chức nước ngoài cử đi có quyền của người lao động được quy định theo pháp luật của quốc gia mà cơ quan, tổ chức đó mang quốc tịch hoặc theo thỏa thuận về luật áp dụng trong hợp đồng lao động;

d) Nhà giáo nước ngoài vào Việt Nam làm việc theo hợp đồng với cơ sở giáo dục, tổ chức giáo dục tại Việt Nam có quyền của người lao động được quy định theo Bộ luật Lao động Việt Nam và các quy định khác của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

5. Trách nhiệm của nhà giáo nước ngoài vào Việt Nam giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật:

a) Chấp hành pháp luật Việt Nam;

b) Thực hiện đúng thỏa thuận, cam kết đã ký với cơ quan tuyển dụng trong nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;

c) Thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm, đạo đức của nhà giáo; tôn trọng bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam;

d) Tuân thủ quy định về những hành vi mà nhà giáo bị nghiêm cấm tại khoản 1 Điều 12 Luật này.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ NHÀ GIÁO

Điều 55. Nội dung quản lý nhà nước về nhà giáo

1. Xây dựng chiến lược, đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo.

2. Quy định về vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc; chuẩn nhà giáo, chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục, chứng chỉ hành nghề đối với nhà giáo; bổ nhiệm chức danh nhà giáo; bổ nhiệm, công nhận, miễn nhiệm nhà giáo, thôi giữ chức vụ quản lý.

3. Quy định về tuyển dụng nhà giáo, hợp đồng nhà giáo; thay đổi đơn vị công tác và vị trí việc làm đối với nhà giáo; nhà giáo dạy liên trường.

4. Cơ chế xã hội hóa trong phát triển đội ngũ nhà giáo; quản lý quỹ khuyến khích, phát triển đội ngũ nhà giáo; quản lý tổ chức xã hội - nghề nghiệp của nhà giáo.

5. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

6. Chính sách tiền lương và các chế độ đãi ngộ, hỗ trợ, thu hút đối với nhà giáo.

7. Tôn vinh, khen thưởng, kỷ luật; tạm đình chỉ giảng dạy đối với nhà giáo.

8. Quản lý cơ sở dữ liệu về đội ngũ nhà giáo.

9. Thanh tra, kiểm tra; khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo; giải quyết tranh chấp hợp đồng nhà giáo.

Điều 56. Cơ quan quản lý nhà nước về nhà giáo

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về nhà giáo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước đối với nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội tham mưu, trình cấp có thẩm quyền quyết định số lượng và phân bổ biên chế cho ngành Giáo dục.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về nhà giáo.

5. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nhà giáo theo phân cấp.

6. Chính phủ ban hành quy định phân cấp quản lý nhà nước về nhà giáo.

Điều 57. Cơ quan quản lý giáo dục

1. Cơ quan quản lý giáo dục là cơ quan chuyên môn giúp Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục.

2. Cơ quan quản lý giáo dục bao gồm Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục bao gồm Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 58. Quản lý nhà giáo tại cơ sở giáo dục

1. Nội dung quản lý nhà giáo tại cơ sở giáo dục bao gồm:

a) Xây dựng đề án phát triển nhà giáo, đề án vị trí việc làm;

b) Ký hợp đồng nhà giáo;

c) Bổ nhiệm, thay đổi chức danh nhà giáo;

d) Đánh giá nhà giáo;

- d) Chấm dứt hợp đồng nhà giáo, giải quyết chế độ thôi việc;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; sắp xếp, bố trí và sử dụng nhà giáo;
- g) Thực hiện việc đình chỉ, tạm đình chỉ giảng dạy đối với nhà giáo; đánh giá, khen thưởng, kỷ luật nhà giáo;
- h) Thực hiện chế độ tiền lương, các chính sách đãi ngộ, hỗ trợ, thu hút nhà giáo; chế độ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo;
- i) Lập, quản lý dữ liệu về nhà giáo; thực hiện chế độ báo cáo về quản lý nhà giáo thuộc phạm vi quản lý;
- k) Tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm đối với nhà giáo; tổ chức hoạt động tư vấn tâm lý, tư vấn pháp luật đối với nhà giáo;

l) Kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo đối với nhà giáo.

2. Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thực hiện các nội dung quản lý quy định tại khoản 1 Điều này. Người đứng đầu cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp về tình hình quản lý, sử dụng nhà giáo tại cơ sở.

3. Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thực hiện các nội dung quản lý quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật và theo sự phân cấp của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 59. Thanh tra, kiểm tra về nhà giáo

1. Thanh tra, kiểm tra về nhà giáo bao gồm:

- a) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cá nhân trong việc quản lý nhà giáo;
- b) Kiểm tra hoạt động chuyên môn của nhà giáo theo chế độ làm việc và nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng thanh tra về nhà giáo trong phạm vi cả nước; chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra về nhà giáo theo thẩm quyền.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo và tổ chức thanh tra, kiểm tra trong phạm vi trách nhiệm quản lý về nhà giáo.

4. Cơ sở giáo dục tổ chức thanh tra nội bộ theo quy định và tổ chức kiểm tra hoạt động chuyên môn của nhà giáo.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 60. Khen thưởng nhà giáo và các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Nhà nước thực hiện việc phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ nghiên cứu giáo dục.

2. Nhà giáo có công trạng, thành tích và cống hiến trong công tác, hoạt động nghề nghiệp thì được khen thưởng, tôn vinh theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo được cơ quan quản lý giáo dục khen thưởng.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 61. Các hình thức kỷ luật đối với nhà giáo

1. Nhà giáo vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Cách chức;
- d) Buộc thôi việc hoặc sa thải.

2. Hình thức kỷ luật cách chức chỉ áp dụng đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

3. Quyết định kỷ luật được lưu vào hồ sơ nhà giáo.

4. Chính phủ quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với nhà giáo.

Điều 62. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì nhà giáo có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thời hiệu xử lý kỷ luật được quy định như sau:

a) 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách;

b) 05 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

2. Đối với các hành vi vi phạm sau đây thì không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật:

a) Nhà giáo là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ;

b) Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ;

c) Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại;

d) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

3. Thời hạn xử lý kỷ luật đối với nhà giáo là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm của nhà giáo đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền.

Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 90 ngày; trường hợp vụ việc có tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng không quá 150 ngày.

4. Trường hợp nhà giáo đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm kỷ luật thì bị xem xét xử lý kỷ luật. Thời gian điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự không được tính vào thời hạn xử lý kỷ luật. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người ra quyết định phải gửi quyết định và tài liệu có liên quan cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý nhà giáo để xem xét xử lý kỷ luật.

Điều 63. Tạm đình chỉ giảng dạy

1. Trong thời hạn xem xét xử lý kỷ luật, người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định tạm đình chỉ giảng dạy của nhà giáo nếu thấy việc nhà giáo tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý kỷ luật hoặc ảnh hưởng đến uy tín nhà giáo.

2. Thời gian tạm đình chỉ giảng dạy không quá 15 ngày, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng không quá 30 ngày. Hết thời gian tạm đình chỉ giảng dạy, nếu nhà giáo không bị xử lý kỷ luật thì được tiếp tục làm việc tại vị trí việc làm trước khi bị tạm đình chỉ.

3. Trong thời gian bị tạm đình chỉ giảng dạy, nhà giáo được hưởng nguyên lương và các phụ cấp khác nếu có theo quy định.

Điều 64. Trách nhiệm bồi thường, hoàn trả

1. Nhà giáo làm mất, hư hỏng trang bị, thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại tài sản của cơ sở giáo dục thì phải bồi thường thiệt hại.

2. Nhà giáo khi thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được phân công có lỗi gây thiệt hại cho người khác mà cơ sở giáo dục phải bồi thường thì có nghĩa vụ hoàn trả cho cơ sở giáo dục.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc xác định mức bồi thường, hoàn trả của nhà giáo.

Điều 65. Các quy định khác liên quan đến việc kỷ luật nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập

1. Nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách thì thời hạn nâng lương bị kéo dài 03 tháng; bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo thì thời hạn nâng lương bị kéo dài 06 tháng. Trường hợp nhà giáo

bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức thì thời hạn nâng lương bị kéo dài 12 tháng, đồng thời đơn vị sự nghiệp công lập bố trí nhà giáo chuyển sang vị trí việc làm khác phù hợp.

2. Nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập bị kỷ luật thì xử lý như sau:

a) Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo thì không thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực;

b) Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức cách chức thì không thực hiện việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

3. Nhà giáo đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không thực hiện việc thay đổi đơn vị công tác và vị trí việc làm hoặc thôi việc.

4. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đã bị kỷ luật cách chức do tham nhũng hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng thì không được bổ nhiệm vào vị trí quản lý.

5. Nhà giáo bị cấm hành nghề hoặc bị hạn chế hoạt động nghề nghiệp trong một thời hạn nhất định theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, nếu không bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc thì cơ sở giáo dục công lập phải bố trí nhà giáo vào vị trí việc làm khác không liên quan đến hoạt động nghề nghiệp bị cấm hoặc bị hạn chế.

6. Nhà giáo bị xử lý kỷ luật, bị tạm đình chỉ giảng dạy hoặc phải bồi thường, hoàn trả theo quyết định của đơn vị sự nghiệp công lập nếu thấy không thỏa đáng thì có quyền khiếu nại, khởi kiện hoặc yêu cầu giải quyết theo trình tự do pháp luật quy định.

Điều 66. Xử lý vi phạm đối với các hành vi xâm phạm uy tín, danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của nhà giáo

Người nào có hành vi xâm phạm uy tín, danh dự, quyền, lợi ích hợp pháp của nhà giáo thì tùy theo đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều khoản của một số luật

1. Sửa đổi Chương IV Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 như sau:

“Chương IV

Điều 68. Quyền, nghĩa vụ, tuyển dụng, quản lý nhà giáo

1. Quyền, nghĩa vụ, tuyển dụng, quản lý nhà giáo được thực hiện theo quy định của Luật Nhà giáo.”

2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 như sau: Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 54, Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục Đại học đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học.

3. Bãi bỏ Điều 53, Điều 55, Điều 56 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

4. Bổ sung khoản 2a, Điều 11 Luật Tổ chức Chính phủ như sau:

“2a. Thực hiện chính sách, pháp luật nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện sự nghiệp giáo dục”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương như sau:

“a) Quyết định biện pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục; bảo đảm số lượng nhà giáo, kinh phí chi ngân sách cho giáo dục theo tỷ lệ quy định và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục; quyết định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục, đào tạo công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật”.”

Điều 68. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp đã được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt đề án, kế hoạch tổ chức tuyển dụng nhà giáo (thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào viên chức), xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nhà giáo trước ngày Luật này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo đề án, kế hoạch đã được phê duyệt trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Sau thời hạn này nếu không hoàn thành thì thực hiện theo quy định tại Luật này.

2. Trường hợp nhà giáo đang ký hợp đồng làm việc xác định thời hạn trước khi Luật này có hiệu lực thi hành thì khi hết thời hạn hợp đồng được người đứng đầu cơ sở giáo dục tiếp tục ký hợp đồng làm việc trừ trường hợp hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng nhà giáo.

3. Nhà giáo theo quy định tại Điều 3 sau khi nghỉ hưu vẫn tiếp tục được gọi là nhà giáo và hưởng chế độ, chính sách đối với người nghỉ hưu theo quy định.

Điều 69. Áp dụng quy định của Luật Nhà giáo

1. Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Nhà giáo đối với nhà giáo trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Trường hợp Luật này không quy định thì áp dụng Luật Viên chức, Bộ luật Lao động và pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này với các luật khác thì áp dụng theo quy định của Luật này.

Điều 70. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 20...

Điều 71. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung quy định của Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm